TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS - PT
Ngày 14 tháng 4 năm 2022
V/v "tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và ông Nguyễn Đức Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT- DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS -ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ - PT ngày 25/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Phương Khê, xã Ng Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Khắc H), sinh năm 1955. Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 5 năm 2021 cho bị đơn L bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1957. Cùng địa chỉ cư trú: Thôn Ti, xã Đ C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2.2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 3, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn Ti, xã Đ C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn Yên, xã N T, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3.3. Bà Lê Thị Lu, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn Ti, xã Đ C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lu L ông Nguyễn Văn Tình, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.4. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn V, xã Y B, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người đại diện ủy quyền theo văn bản ngày 26 tháng 4 năm 2021 của bà Nh, bà L, bà Lu, bà Ng L ông Lê Văn K (nguyên đơn). Có mặt.

5. Ông Lê Văn Ha, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn Thịnh Đ, xã Đ. C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (đã bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2020/QĐST-VDS ngày 27-7-2020). Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Lê Văn H, có mặt.

- Kháng nghị: Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về hàng thừa kế:

Cụ Lê Văn V, sinh năm 1921 kết hôn với cụ Trần Thị R, sinh năm 1923, hai cụ sinh được 8 người con gồm: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1947; ông Lê Văn K, sinh năm 1954; ông Lê Văn H, sinh năm 1955; bà Lê Thị L, sinh năm 1958; ông Lê Văn Ha, sinh năm 1960 (đã có Quyết định tuyên bố mất tích ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam); ông Lê Văn L, sinh năm 1962; bà Lê Thị Lu, sinh năm 1966 (bị mù cả hai mắt); bà Lê Thị Ng, sinh năm 1969. Hai cụ không còn người con nào khác, không có con nuôi, con riêng.

Về di sản thừa kế: Thửa đất số 222, tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn, địa chỉ: Thôn Ti, xã Đ C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Nguồn gốc thửa đất L do cha ông để lại cho cụ V- cụ R ở và sử dụng, năm 1958 hai cụ xây dựng một nhà cấp bốn và công trình vật

kiến trúc trên đất. Ngày 26-8-2003, Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện Kim Bảng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X816707 cho hộ cụ Lê Văn V.

Do căn nhà cấp bốn xây dựng từ năm 1958 bị xuống cấp, dột nát, hư hỏng. Vì vậy, năm 2015 ông K đã sửa chữa, trát lại, xây tường bao, sửa mái để cụ R và bà Lu có chỗ ở.

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ V chết ngày 24-4-2004 không có di chúc cho ai thừa kế tài sản. Cụ R chết ngày 04-01-2018, trước khi chết năm 2014 cụ R đã mời họ hàng Lm chứng và có nguyện vọng di chúc lại cho ông K thừa kế phần tài sản của cụ nhưng ông H và ông L không nhất trí. Ngày 08-6-2015 Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Hà Nam đã cử công chứng viên đến tận nơi ở của cụ R lập di chúc cho ông Lê Văn K thừa kế phần tài sản của cụ R trong khối tài sản chung của hộ gia đình đứng tên chủ hộ L cụ Lê Văn V. Sau khi cụ R chết, bà Lu vẫn ở trên nhà đất này đến nay.

Nguyên đơn: Ông K yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế bố mẹ ông để lại L thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn thành 03 phần gồm: 01 phần của bà Lu, 01 phần của cụ R đã có di chúc để lại cho ông, 01 phần của cụ V chia đều bằng hiện vật cho những người trong hàng thừa kế, phần ông Ha được hưởng ông xin quản lý hộ, nếu ông Ha trở về thì ông sẽ giao trả lại cho ông Ha. Toàn bộ chi phí sửa chữa nhà trên đất do ông H chi phí hết 80 triệu đồng, không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với nhà cấp bốn, nhà tạm, nhà tắm, sân, bể trên đất đều đã cũ nát và hết khấu hao, không còn giá trị nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về đất nông nghiệp: không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn : - Ông Lê Văn H (Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Phượng) trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn L của các cụ để lại cho cụ V và cụ R, đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có ngôi nhà cấp bốn cũ. Năm 2015, ông K đã sửa nhà 3 gian nhà cấp bốn chi phí sửa chữa hết bao nhiêu ông không biết. Khi cụ R lập di chúc cho ông K thừa kế tài sản ông không biết. Sau này ông H mới biết có bản di chúc của cụ R cho ông K được hưởng thừa kế phần tài sản. Ông không chấp nhận bản di chúc vì khi lập di chúc không có đầy đủ anh em kí, không có người Lm chứng.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thì ông không nhất trí. Ông đề nghị giữ nguyên thửa đất của bố mẹ ông để Lm nơi thờ cúng,

nếu chia thì phải chia theo ý nguyện của cụ V. Các con gái đã đi lấy chồng đã được các cụ chia một chỉ vàng thì không được hưởng di sản nữa, duy nhất bà Lu vẫn ở trên đất với bố mẹ từ nhỏ nên vẫn được hưởng di sản, đối với phần di sản của ông Ha được hưởng thì ông H xin quản lý hộ, khi nào ông Ha trở về ông sẽ giao trả lại cho ông Ha.

- Ông Lê Văn L trình bày: Ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thì ông không nhất trí, ông không chấp nhận bản di chúc của cụ R vì khi lập di chúc không có đầy đủ các con kí, không có người Lm chứng. Ông đề nghị giữ nguyên thửa đất của bố mẹ ông để Lm nơi thờ cúng. Nếu phải chia thừa kế thì ông xin nhận bằng hiện vật L quyền sử dụng đất, đối với phần di sản thừa kế ông Ha được hưởng thì ông xin quản lý hộ, khi nào ông Ha trở về ông sẽ giao trả lại cho ông Ha.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng đều nhất trí ý kiến của ông Lê Văn K đã trình bày. Nay xảy ra tranh chấp, các bà đều xác định diện tích đất 348m^2 đứng tên chủ hộ L cụ Lê Văn V có một phần L của bà Lu, một phần L của cụ R đã có di chúc hợp pháp cho ông K, còn lại một phần L của cụ V đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần di sản các bà được hưởng thì các bà xin nhận và tặng lại cho ông K để thờ cúng tổ tiên.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS -ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã quyết định.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 29 Điều 3, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 65, các Điều 69, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 636, 639, 643, Điều 651, Điều 659, Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 3, các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 3, các Điều 27, 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 1, 2, 20 Luật đất đai năm 1993; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K. Công nhận bản di chúc ngày 08-6-2015 của cụ Trần Thị R L hợp pháp.

2. Xác định thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2,trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn, địa chỉ: Thôn Thịnh Đ, xã Đ. C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Lê Văn V số X816707 ngày 26-8-2003 thuộc quyền sử dụng của cụ Lê Văn V và cụ Trần Thị R, mỗi người đều được quyền sử dụng 162m^{2}đất ở nông thôn và 12m^{2}đất vườn. (Có trích đo vị trí thửa đất kèm theo).

3. Xác định cụ Trần Thị R chết ngày 04-01-2018 có để lại di chúc hợp pháp cho ông Lê Văn K được hưởng di sản của cụ R L một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn V thuộcthửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn, địa chỉ: Thôn Thịnh Đ, xã Đ. C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X816707 ngày 26-8-2003. Theo đó, ông Lê Văn K được hưởng di sản thừa kế của cụ Trần Thị R L quyền sử dụng 162m2 đất ở nông thôn và 12m^{2}đất vườn.

4. Xác định cụ Lê Văn V chết ngày 24-4-2004 không để lại di chúc. Di sản của cụ V để lại L quyền sử dụng 162m2 đất ở nông thôn và 12m đất vườn nằm trongthửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn, địa chỉ: Thôn Thịnh Đ, xã Đ. C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X816707 ngày 26-8-2003 đứng tên hộ ông Lê Văn V.

5. Xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê VănV gồm cụ Trần Thị R, bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha (đã có Quyết định tuyên bố mất tích ngày 27-7-2020 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam), ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng.Xác định diện và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị R gồm bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng.

6. Xác định giá trị di sản thừa kế của cụ Lê Văn V để lại L diện tích đất ở 162m^2 x 4.500.000 đồng/m^2 = 729.000.000 đồng và diện tích đất vườn 12m^{2}x 430.000 đồng/m^2=5.160.000 đồng. Tổng cộng L 734.160.000 đồng : 09 kỉ phần = 81.573.000 đồng.

Xác định kỉ phần cụ Trần Thị R được hưởng của cụ Lê Văn V L 81.573.000 đồng: 08 kỉ phần =10.196.000 đồng.

7. Phân chia di sản thừa kế như sau:

Chia cho bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Lê Văn V giá trị thành tiền L 81.573.000 đồng và được hưởng phần di sản của cụ Trần Thị R L 10.196.000 đồng. Tổng cộng L 91.769.000 đồng.

Chia quyền sử dụng cho ông Lê Văn K được sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ Lê Văn V và của cụ Trần Thị R mỗi cụ L 174m^2, trong đó có 162m^2 đất ở nông thôn và 12m^2 đất vườnnằm trongthửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở nông thôn và 24m^2 đất vườn, địa chỉ: Thôn Thịnh Đ, xã Đ. C, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X816707 ngày 26-8-2003 đứng tên hộ ông Lê Văn V. Trên thửa đất này ông K được quản lý, sử dụng 01 nhà cấp bốn mái ngói, 01 bếp mái ngói, 01 nhà tạm mái ngói, 01 nhà tắm mái brôximăng và 01 bể nước đều đã cũ, hết khấu hao, không còn giá trị.Song ông K có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng mỗi kỉ phần L 91.769.000đ (chín mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng tặng cho ông K kỉ phần thừa kế được hưởng.

Giao cho ông Lê Văn K được tạm thời quản lý kỉ phần thừa kế của ông Lê Văn Ha được hưởng, khi nào ông Ha trở về thì ông K phải có nghĩa vụ giao trả lại kỉ phần thừa kế ngay cho ông Ha.

8. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, bà Lê Thị Lu.

Ông Lê Văn L, bà Lê Thị Ng mỗi người phải chịu 4.588.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn K số tiền 1.360.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004296 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định:

- Ngày 19 tháng 11 năm 2021, ông Lê Văn H (Lê Khắc H) kháng cáo cho rằng quyền sử dụng đất L của cụ V, đất không phải cụ R nên không có quyền di chúc cho ông K thừa kế; di chúc cụ R lập cho ông K thừa kế L do bị lừa dối, ép buộc không hợp pháp. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K, đề nghị sử dụng Lm nơi thờ cúng.

- Ngày 19 tháng 11 năm 2021, ông Lê Văn L kháng cáo không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K. Tuy nhiên ông L đã từ bỏ kháng cáo do không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm .

- Ngày 01 tháng 12 năm 2021, Viện trưởng - Viện kiểm sát huyện Kim Bảng kháng nghị cho rằng cụ Trần Thị R được quyền thừa kế phần của cụ Lê Văn V, cụ R lập di chúc cho ông K thừa kế tài sản L hợp pháp nên yêu cầu chia ông Lê Văn K được hưởng thêm phần giá trị tài sản thừa kế phần của cụ R thừa kế của cụ V. Vì vậy, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng nêu trên, tính án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu.

Tại phiên tòa:

- Người kháng cáo ông Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Vì, quyền sử dụng đất L của riêng cụ V, không phải của cụ R; Di chúc do Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Hà Nam lập không có sự đồng ý của các đồng thừa kế và không có người Lm chứng nên không có giá trị. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K. Mặt khác, khoảng năm 1988 cụ V di chúc miệng cho ông H thừa kế tài sản thửa đất số 222, tờ bản đồ PL 05 nhưng không có ai Lm chứng ghi chép lại ý kiến của cụ V. Ông H thừa nhận cụ V và cụ R đã Lm nhà ở trên đất từ trước năm 1955 (trước thời điểm ông sinh ra) và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên cụ V; bản di chúc nêu trên L bản di chúc cuối cùng của cụ R lập cho ông K thừa kế. Ông không nhất trí với kháng nghị của Viện trưởng -Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng. Vì di chúc không hợp pháp.

- Ông Lê Văn K không nhất trí với kháng cáo của của ông Lê Văn H. Nhất trí với kháng nghị của Viện trưởng -Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim bảng và cho rằng bà Lu bị mù hai mắt từ nhỏ, không có chỗ ở nào khác, có công trông coi đất, sống phụ thuộc vào di sản nếu bà Lu không có được quyền sử dụng đất chung trong hộ với cụ V thì đề nghị Hội đồng xét xử trích phần đất ông được thừa kế chia cho bà Lu từ 100 m^2 đến 120 m^2 để bà Lu có chỗ ở riêng, ổn định cuộc sống, không yêu cầu bà Lu phải thanh toán giá trị tài sản.

- Ông Lê Văn L nhất trí với kháng cáo của ông H. Vì, quyền sử dụng đất L của riêng cụ V, không phải của cụ R; di chúc do Văn phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Nam lập không có sự đồng ý của các đồng thừa kế và không có người Lm chứng nên không có giá trị. Đề nghị sử dụng thửa đất nêu trên vào việc thờ cúng.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Lu L ông Nguyễn Văn Tình có ý kiến như sau: Bà Lê Thị Lu bị mù hai mắt từ nhỏ, thừa kế không phụ thuộc di chúc, L người sống phụ thuộc, không có chỗ ở nào khác, cần phải

chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Lu. Tuy bà Lu không có kháng cáo, nhưng ông K có ý kiến bằng văn bản và tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị trích phần đất ông được thừa kế chia cho bà Lu từ 100 m^2 đến 120 m^2 để bà Lu có chỗ ở riêng ổn định cuộc sống, không yêu cầu bà Lu phải thanh toán giá trị tài sản L tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng. Về tố tụng: Kháng cáo của ông Lê Văn H, kháng nghị trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, thư kí và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Di chúc cụ R lập cho ông Lê Văn K thừa kế tài sản L hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 293, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn H; đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng -Viện kiểm sát huyện Kim Bảng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng Lê Văn K được hưởng thêm phần giá trị tài sản thừa kế phần của cụ R thừa kế của cụ V. Và sửa án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn H, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị:

- Xét kháng cáo của ông Lê Văn H cho rằng thửa đất L cụ V, không phải L của cụ R L không có căn pháp luật. Vì các cụ sử dụng đất, xây dựng nhà công trình kiến trúc trên đất từ năm 1958 sử dụng đến nay và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2, trong đó có 324m^2 đất ở x 4.500.000 đồng/m^2 = 1.458.000.000 đồng và 24m^2 đất vườn x 430.000 đồng/m^2 = 10.320.000 đồng, cộng giá trị tài sản L 1.468.320.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định L di sản thừa kế của cụ Lê Văn V và cụ Trần Thị R L đúng pháp luật.

Người kháng cáo ông Lê Văn H, ông Lê Văn L cho rằng: Di chúc không có chữ kí của các đồng thừa kế khác nên có giá trị L không đúng. Vì, cụ R có toàn quyền định phần tài sản của mình không phụ thuộc vào ý kiến của các đồng thừa kế khác. Di chúc của cụ Trần Thị R do Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Hà Nam lập ngày 08-6-2015 cho ông Lê Văn K được quyền thừa kế tài sản L

theo đúng quy định tại Điều 624, 625 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên di chúc có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông Lê Văn H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện trưởng-Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng: Cụ Lê Văn V chết ngày 24-4-2004 không để lại di chúc, các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế nên đủ căn cứ xác định phần di sản thừa kế của cụ Lê Văn V chia cho 09 suất thừa kế gồm: Cụ Trần Thị R và bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng được quyền thừa kế tài sản của theo quy định tại điểm a khoản 01 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng chia ông Lê Văn K được hưởng thêm phần giá trị tài sản của cụ R được thừa kế tài sản của cụ V. Cụ thể: Giá trị tài sản thừa kế của cụ V và cụ R L 1.468.320.000 đồng, chia phần cụ V L 734.160.000 đồng, chia phần của cụ R L 734.160.000 đồng. Phần của cụ V chia cho 09 suất thừa kế nêu trên, mỗi kỷ phần hưởng L 81.573.000 đồng, như vậy phần giá trị tài sản của cụ R L 734.160.000 đồng + 81.573.000 đồng (thừa kế phần cụ V) = 815.733.000 đồng. Ông Lê Văn K được hưởng giá trị tài sản phần của cụ R L 815.733.000 đồng.

Về chia hiện vật L quyền sử dụng đất: Trong vụ án này, bà Lê Thị Lu đang ở trên đất, bị mù hai mắt L người sống phụ thuộc, không có chỗ ở nào khác, được ưu tiên chia thừa kế quyền sử dụng đất, nhưng cấp sơ thẩm không chia cho bà Lu được thừa kế quyền sử dụng đất, mặc dù bà Lu không có kháng cáo. Tuy nhiên, tại văn bản ngày 16 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa Phúc thẩm ông Lê Văn K (đồng thời L người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ng) đề nghị trích một phần diện tích đất của ông K được thừa kế từ 100m^2 đến 200 m^2 chia cho bà Lu sử dụng đề ổn định cuộc sống, không yêu phải thanh toán giá trị tài sản L tự nguyện và đúng pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H, ông L, ông Ha như ý kiến của ông Nguyễn Văn Tình người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lu. Vì vậy, được Hội đồng xét xử ghi nhận và sửa Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản trích đo thửa đất số số 222 tờ bản đồ PL5:

Chia cho bà Lê Thị Lu được sử dụng vị trí phía tây thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích L 107 m^2 đất ở, trị giá 481.500.000 đồng và sở hữu toàn bộ công trình vật kiến trúc trên đất không phải thanh toán giá trị tài sản cho các đồng thừa kế khác.

Chia ông Lê Văn K sử dụng vị trí đông thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5 diện tích 241 m2, trong đó đất ở L 217 m^2 x 4.500.000 đồng/m^2 = 976.500.000

đồng, đất vườn L 24 m^2 x 430.000 đồng/m^2 = 10.320.000 đồng, cộng L: 986.820.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ng tặng cho ông K phần giá trị tài sản thừa kế được hưởng để sử dụng vào việc thờ cúng.

Buộc ông Lê Văn K phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế cho ông Lê Văn H, ông Lê Văn L, ông Lê Văn Ha mỗi kỉ phần thừa kế L 81.573.000 đồng. Tạm giao cho ông Lê Văn K quản lý phần giá trị tài sản thừa kế của ông Lê Văn Ha được hưởng, khi ông Ha trở về thì ông K phải trả lại kỉ phần thừa kế ngay cho ông Ha.

[3].Về án phí sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, bà Lê Thị Lu. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn K số tiền 1.360.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004296 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

- Buộc ông Lê Văn L, bà Lê Thị Ng mỗi người phải chịu 4.078.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên ông Lê Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn H.

- Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kim Bảng, sửa một phần Bản án sơ thẩm về giá trị tài sản thừa kế theo di chúc đối với ông K và án phí.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn K, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ng trích một phần diện tích đất ở cho bà Lê Thị Lu sử dụng.

Căn cứ khoản 29 Điều 3, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 65, các Điều 69, 609, 611, 612, 613, 614, 616, 617, 618, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 636, 639, 643, Điều 651, Điều 659, Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 3, các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 3, các Điều 27, 95 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2000; các Điều 1, 2, 20 Luật đất đai năm 1993; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K.

Xác nhận ông Lê Văn K được quyền thừa kế tài sản của cụ Trần Thị R theo bản Di chúc ngày 08-6-2015 do Văn phòng công chứng số 02 tỉnh Hà Nam lập.

Xác nhận quyền thừa kế tài sản theo pháp luật của cụ Trần Thị R, bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng đối với phần tài sản của cụ Lê Văn V.

2. Công nhận thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5, diện tích 348m^2 (trong đó có 324m^2 đất ở và 24m^2) đất vườn, trị giá L: 1.468.320.000 đồng L di sản thừa kế của cụ V và cụ R.

3. Chia phần di sản của cụ Lê Văn V cho cụ Trần Thị R, bà Lê Thị Nh, ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, ông Lê Văn L, bà Lê Thị Lu, bà Lê Thị Ng (09 suất thừa kế) mỗi kỉ phần được hưởng L 81.573.000 đồng *(Tám mốt triệu, năm trăm bảy ba ngàn đồng).*

4. Về chia thừa kế quyền sử dụng đất:

Chia cho bà Lê Thị Lu được sử dụng dụng 107 m^2 đất ở vị trí đông thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5 trị giá 481.500.000 và toàn bộ tài sản trên đất, không phải thanh toán giá trị tài sản cho đồng thừa kế khác.

Chia cho ông Lê Văn K sử dụng vị trí tây thửa đất số 222 tờ bản đồ PL5 diện tích L 241 m^2, trong đó đất ở L 217 m^2, đất vườn L 24 m^2 trị giá: 986.820.000 đồng.

(Về ranh giới tứ cận thửa đất chia cho bà Lu, ôn K có sơ đồ kèm theo Bản án phúc thẩm).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, bà Lê Thị Ng tặng cho ông K phần giá trị thừa kế được hưởng để sử dụng vào việc thờ cúng.

Buộc ông Lê Văn K phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản thừa kế cho ông Lê Văn H, ông Lê Văn L, ông Lê Văn Ha mỗi người L 81.573.000 đồng (Tám mốt triệu, năm trăm bảy ba ngàn đồng). Giao cho ông Lê Văn K được tạm thời quản lý phần giá trị tài sản thừa kế của ông Lê Văn Ha, khi nào ông Ha trở về thì ông K phải trả lại kỉ phần thừa kế ngay cho ông Ha.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn K, ông Lê Văn H, bà Lê Thị Nh, bà Lê Thị L, ông Lê Văn Ha, bà Lê Thị Lu. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn K số tiền 1.360.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004296 ngày 02-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng.

Buộc ông Lê Văn L, bà Lê Thị Ng mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.078.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn H không phải chịu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim bảng;
- Trung tâm TGPLY tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS huyện Kim bảng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Trưởng